

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST  
Ngày: 20-9-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Thanh.

2. Bà Nguyễn Tố Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đạt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị Cúc H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số nhà 35, đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Bà Vi Thị T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà 07, ngách 31, ngõ 71, đường X, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, không có lý do.

2. Bà Vi Thị T2, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trịnh Quang T, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số nhà 35, đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số nhà 35, đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh Vi Trọng Đ, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Chị Vi Diệu T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H trình bày:

Ngày 16/8/2019, bà Vi Thị T1 cầm 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) mang tên bà Vi Thị T2 đến vay số tiền 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng cho bà Vi Thị T2. Bà Vi Thị T1 nói với bà Đinh Thị Cúc H là bà Vi Thị T2 bị bệnh nên không ra được. Trước đó, bà Vi Thị T1 có ra nhà bà Đinh Thị Cúc H hỏi vay tiền để bà Vi Thị T2 đáo hạn ngân hàng.

Do có quan hệ quen biết (bà Vi Thị T1 là thông gia và là học sinh trước đây của bà Đinh Thị Cúc H), bà Đinh Thị Cúc H đồng ý cho bà Vi Thị T1 vay số tiền 450.000.000 đồng, với mức lãi suất là 2%/tháng (tương ứng tiền lãi là 9.000.000 đồng/tháng). Khi cho vay, bà Đinh Thị Cúc H có ghi vào sổ cho vay.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Đinh Thị Cúc H có cầm giữ: 03 sổ đỏ mang tên bà Vi Thị T2; 01 sổ hộ khẩu của bà Vi Thị T1; 01 chứng minh nhân dân mang tên bà Vi Thị T1.

Khi vay tiền, bà Vi Thị T1 không nói với bà Đinh Thị Cúc H là bà Vi Thị T1 vay bao nhiêu, bà Vi Thị T2 vay bao nhiêu.

Ngày 26/9/2019, bà Vi Thị T1 đi cùng con gái là Đỗ Thị Diễm Q đến trả bà Đinh Thị Cúc H 9.000.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 16/8/2019 đến ngày 16/9/2019). Bà Đinh Thị Cúc H yêu cầu bà Vi Thị T1 mang giấy thỏa thuận vay tiền về đưa cho bà Vi Thị T2 ký. Khoảng hơn 01 tiếng sau, bà Vi Thị T1 và cháu Đỗ Thị Diễm Q quay lại, mang theo giấy vay tiền có chữ ký của bà Vi Thị T2, sau đó bà Đinh Thị Cúc H có bảo cháu Đỗ Thị Diễm Q ký vào giấy vay tiền với tư cách người làm chứng.

Ngày 01/11/2019, bà Vi Thị T2 và bà Vi Thị T1 cùng đến nhà bà Đinh Thị Cúc H trả số tiền gốc 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng), đồng thời lấy lại 02 sổ đỏ về, bà Vi Thị T1 xin bà Đinh Thị Cúc H hạ lãi suất xuống còn 1,3%/tháng, nhưng bà Đinh Thị Cúc H chỉ đồng ý hạ lãi suất xuống còn 1,5%/tháng.

Ngày 01/01/2020, bà Đinh Thị Cúc H đến nhà bà Vi Thị T1 để đòi tiền gốc và lãi. Bà Vi Thị T1 không có tiền để trả gốc và lãi nên đã trả cho bà Đinh Thị Cúc H bằng hiện vật, gồm: 01 quạt hơi nước, 01 bộ bàn ghế tay 10 gỗ nghiến và 01 kệ tivi làm bằng gỗ ép. Hai bên thống nhất các tài sản có tổng trị giá là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ngày 11/01/2020, bà Vi Thị T1 trả cho bà Đinh Thị Cúc H 3.500.000 đồng tiền lãi, còn nợ 10.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 16/9/2019 đến ngày

01/11/2019. Bà Đinh Thị Cúc H đã cộng lãi vào gốc thành 320.000.000 đồng.

Ngày 17/4/2020, bà Vi Thị T1 cầm 01 sổ đỏ mang tên bà Vi Thị T2 và giấy ủy quyền của bà Vi Thị T2 ra viết lại giấy nợ và xin hạ lãi suất xuống còn 10%/năm và hẹn trả vào ngày 30/4/2020.

Ngày 20/5/2020, bà Vi Thị T1 trả bà Đinh Thị Cúc H 10.000.000 đồng tiền lãi (số tiền lãi tính từ 16/9/2019 đến ngày 01/11/2019).

Ngày 16/7/2020, bà Vi Thị T1 chuyển vào tài khoản của bà Đinh Thị Cúc H số tiền lãi 1.400.000 đồng. Sau đó, bà Vi Thị T1 xin bà Đinh Thị Cúc H tính toán lại toàn bộ số lãi, chỉ tính mức lãi suất 1%/tháng cho cả quá trình vay (từ ngày 16/8/2019 đến ngày 16/7/2020). Bà Đinh Thị Cúc H đồng ý. Sau khi tính toán, tổng số tiền lãi bà Vi Thị T1 đã trả cho bà Đinh Thị Cúc H là 43.900.000 đồng.

Số tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 16/8/2019 đến ngày 15/9/2020 là 43.800.000 đồng, vẫn còn thừa 100.000 đồng nên bà Đinh Thị Cúc H đã trả lại cho bà Vi Thị T1 100.000 đồng.

Cùng ngày 16/7/2020, bà Đinh Thị Cúc H và bà Vi Thị T1 thống nhất thỏa thuận từ ngày 16/9/2020 trở đi, mức lãi suất sẽ là 10%/năm, hàng tháng bà Vi Thị T1 phải trả cho bà Đinh Thị Cúc H số tiền lãi 2.500.000 đồng, đến tết phải trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền gốc.

Tuy nhiên, sau ngày 16/7/2020, bà Vi Thị T2 và bà Vi Thị T1 không trả được cho bà Đinh Thị Cúc H bất kỳ khoản tiền nào khác. Bà Đinh Thị Cúc H đã nhiều lần gọi điện đòi nợ thì bà Vi Thị T2 cho rằng chỉ được vay 140.000.000 đồng và bà Vi Thị T2 đã trả hết 140.000.000 đồng, nên số nợ gốc còn lại 310.000.000 đồng là của bà Vi Thị T1 vay.

Bà Đinh Thị Cúc H cho rằng bà Vi Thị T2 và bà Vi Thị T1 đã thống nhất với nhau, cố tình đùn đẩy trách nhiệm trả nợ cho bà Vi Thị T1, để một mình bà Vi Thị T1 nhận trách nhiệm trả nợ. Bà Đinh Thị Cúc H cho rằng bà Vi Thị T2 phải cùng với bà Vi Thị T1 liên đới trả nợ cho bà Đinh Thị Cúc H, bởi vì:

- Thứ nhất, khi vay tiền, bà Vi Thị T1 nói với bà Đinh Thị Cúc H là vay hộ cho bà Vi Thị T2 để đáo hạn ngân hàng.
- Thứ hai, khi vay tiền, bà Vi Thị T1 có đưa cho bà Đinh Thị Cúc H cầm giữ 03 sổ đỏ mang tên bà Vi Thị T2 để bảo đảm cho khoản vay.
- Thứ ba, khi vay tiền, bà Vi Thị T1 cũng không nói với bà Đinh Thị Cúc H là bà Vi Thị T1 vay bao nhiêu tiền, bà Vi Thị T2 vay bao nhiêu tiền.
- Thứ tư, bà Vi Thị T2 đã thừa nhận là có được ký vào giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 16/9/2019 (thể hiện số tiền vay là 450.000.000 đồng) và giấy ủy quyền đề ngày 01/3/2020, không bị ai ép buộc gì.

Trong quá trình giải quyết, bà Đinh Thị Cúc H có giao nộp cho Tòa án 01 GCNQSDĐ số BK 518820 mang tên hộ bà Vi Thị T2 do UBND huyện Hữu Lũng cấp ngày 27/9/2013, để Tòa án trả lại GCNQSDĐ nêu trên cho bà Vi Thị

T2, vì GCNQSDĐ này mang tên hộ bà Vi Thị T2 chứ không chỉ riêng bà Vi Thị T2. Sau đó Tòa án đã trả lại GCNQSDĐ nêu trên cho bà Vi Thị T2.

Đối với GCNQSDĐ số T462837 mang tên hộ ông Vi Văn H (tại trang 4 có thể hiện ngày 19/6/2018, để thừa kế cho bà Vi Thị T2), tại phiên tòa, bà Đinh Thị Cúc H tự nguyện trả lại GCNQSDĐ số T462837 cho bà Vi Thị T2 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Đinh Thị Cúc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Bà Đinh Thị Cúc H yêu cầu bà Vi Thị T2 và bà Vi Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Đinh Thị Cúc H

- Số tiền gốc 310.000.000 đồng,
- Số tiền lãi (tính từ ngày 16/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2022) là 24 tháng 04 ngày. Cụ thể:  $310.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 24 \text{ tháng} 04 \text{ ngày} = 62.339.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền cả gốc và lãi là 372.339.000 đồng (trong đó, bà Vi Thị T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng cùng với số tiền lãi là  $85.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 24 \text{ tháng} 04 \text{ ngày} = 17.093.000 \text{ đồng}$ ; bà Vi Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Đinh Thị Cúc H số tiền nợ gốc 225.000.000 đồng cùng với số tiền lãi là  $225.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 24 \text{ tháng} 04 \text{ ngày} = 45.246.000 \text{ đồng}$ ).

*Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Vi Thị T1 trình bày:*

Trước ngày 16/9/2019, chị gái ruột của bà Vi Thị T1 là bà Vi Thị T2 có nói với bà Vi Thị T1 là cần vay tiền để trả nợ. Bà Vi Thị T1 bảo bà Đinh Thị Cúc H có cho vay tiền nhưng phải có sổ đỏ thì mới cho vay. Sau đó, bà Vi Thị T2 đưa cho bà Vi Thị T1 03 sổ đỏ mang tên Vi Thị T2 để nhờ bà Vi Thị T1 vay tiền hộ. Khi đó, bà Vi Thị T2 cũng không nói rõ là vay bao nhiêu tiền.

Ngày 16/9/2019, bà Vi Thị T1 đi cùng con gái là Đỗ Thị Diễm Q và cầm 03 sổ đỏ mang tên Vi Thị T2 đến nhà bà Đinh Thị Cúc H. Bà Vi Thị T1 hỏi bà Đinh Thị Cúc H là “cho cháu và chị cháu vay tiền”. Sau đó, bà Đinh Thị Cúc H đã cho bà Vi Thị T1 vay số tiền 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Bà Vi Thị T1 cũng không nói cụ thể cho bà Đinh Thị Cúc H là bà Vi Thị T1 vay bao nhiêu, bà Vi Thị T2 vay bao nhiêu.

Bà Đinh Thị Cúc H yêu cầu bà Vi Thị T1 phải trả lãi với mức lãi suất 3%/tháng, số tiền lãi hàng tháng là 9.000.000 đồng. Bà Vi Thị T1 đồng ý. Bà Đinh Thị Cúc H đưa cho bà Vi Thị T1 450.000.000 đồng và yêu cầu bà Vi Thị T1 mang giấy vay tiền về đưa cho bà Vi Thị T2 ký. Sau đó, bà Vi Thị T1 cầm tiền và giấy vay tiền về, đưa cho bà Vi Thị T2 ký. Tại nhà bà Vi Thị T2, bà Vi Thị T1 đã đưa cho bà T2 số tiền 150.000.000 đồng. Đối với số tiền 300.000.000 đồng còn lại, bà Vi Thị T1 bảo bà Vi Thị T2 là “Em cũng đang cần tiền nên cho em vay số tiền này”. Bà Vi Thị T2 không có ý kiến gì.

Ngày hôm sau, bà Vi Thị T1 quay lại nhà bà Đinh Thị Cúc H và đưa cho bà H giấy vay tiền có chữ ký của bà Vi Thị T2, 03 sổ đỏ mang tên bà Vi Thị T2,

01 sổ hộ khẩu của nhà bà T1; 01 chứng minh nhân dân mang tên bà Vi Thị T1.

Ngày 01/11/2019, bà Vi Thị T2 và bà Vi Thị T1 cùng đến nhà bà Đinh Thị Cúc H trả số tiền gốc 140.000.000 đồng, bà Đinh Thị Cúc H đã trả lại cho bà Vi Thị T2 02 sổ đỏ.

Ngày 17/4/2020, bà Vi Thị T1 cầm 01 sổ đỏ mang tên hộ ông Vi Văn H (tại trang 4 thể hiện đã để thừa kế cho bà Vi Thị T2) và giấy ủy quyền của bà T2 ra nhà bà Đinh Thị Cúc H viết lại giấy nợ và hẹn trả vào ngày 30/4/2020. Trong giấy thỏa thuận vay tiền ngày 17/4/2020 ghi 320.000.000 đồng (dư 10.000.000 đồng là tiền lãi tính đến ngày 01/11/2019 chưa trả, bà Đinh Thị Cúc H đã cộng lãi vào gốc thành 320.000.000 đồng).

Sau khi viết lại giấy thỏa thuận vay tiền, bà Vi Thị T1 hỏi vay thêm 50.000.000 đồng nhưng bà Đinh Thị Cúc H không đồng ý và giật sổ đỏ mang tên hộ ông Vi Văn H, cho vào két sắt khóa lại rồi đuổi bà Vi Thị T1 về.

Về số tiền lãi, bà Vi Thị T1 trình bày rằng đã trả cho bà Đinh Thị Cúc H tổng số tiền lãi khoảng gần 100.000.000 đồng tính từ ngày 16/9/2019 đến ngày 15/9/2020, mỗi tháng bà Vi Thị T1 phải trả cho bà Đinh Thị Cúc H 9.000.000 đồng tiền lãi. Khi trả lãi, bà Vi Thị T1 có được ký vào sổ của bà Đinh Thị Cúc H, ngoài ra hai bên không lập giấy tờ biên nhận gì.

Bà Đinh Thị Cúc H trình bày rằng bà Vi Thị T1 vay tiền vào ngày 16/8/2019 và đã trả lãi cho bà Đinh Thị Cúc H được tổng số tiền 43.800.000 đồng là không chính xác, vì bà Vi Thị T1 có được ký vào 02 trang sổ của bà Đinh Thị Cúc H chứ không chỉ là 01 trang bà H đã giao nộp cho Tòa án.

Do lãi suất cao, bà Vi Thị T1 có xin bà Đinh Thị Cúc H giảm tiền lãi, bà Đinh Thị Cúc H đồng ý và yêu cầu bà Vi Thị T1 viết vào mặt sau của giấy thỏa thuận vay tiền ngày 17/4/2020 về việc hàng tháng phải trả cho bà Đinh Thị Cúc H số tiền lãi 2.500.000 đồng, tết phải trả 100.000.000 đồng tiền gốc. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà Vi Thị T1 chỉ trả tiền lãi cho bà Đinh Thị Cúc H được 02 lần, với tổng số tiền là 11.400.000 đồng (Ngày 20/5/2020, trả 10.000.000 đồng; ngày 16/7/2020, trả 1.400.000 đồng).

Ngoài ra, cuối năm 2020, bà Đinh Thị Cúc H vào nhà bà Vi Thị T1 đòi nợ, do không có tiền trả lãi nên bà Đinh Thị Cúc H đã lấy đi một số tài sản để trừ nợ gồm: 01 quạt hơi nước, 01 bộ bàn ghế tay 10 gỗ nghiêng và 01 kệ tivi làm bằng gỗ ép. Bà Đinh Thị Cúc H cho rằng các tài sản này chỉ có trị giá 20.000.000 đồng nên chỉ trừ lãi cho bà Vi Thị T1 20.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi của bà Vi Thị T2, bà T2 có đưa cho bà Vi Thị T1 số tiền lãi để nhờ trả cho bà Đinh Thị Cúc H. Tuy nhiên, bà Vi Thị T2 chỉ đưa cho bà Vi Thị T1 khoảng hơn 01 triệu tiền lãi, còn số tiền lãi còn lại bà Vi Thị T1 bù thêm vào để trả cho bà Đinh Thị Cúc H.

Đối với các yêu cầu của bà Đinh Thị Cúc H, bà Vi Thị T1 đồng ý trả số tiền gốc 310.000.000 đồng nhưng bà Vi Thị T1 đề nghị trả dần số nợ gốc thành từng tháng (1.500.000 đồng/tháng). Bà Vi Thị T1 xin trả nợ gốc trước.

Đối với số tiền lãi, bà Vi Thị T1 đồng ý trả cho bà Đinh Thị Cúc H số tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm.

Do số tiền nợ gốc 310.000.000 đồng là tiền bà Vi Thị T1 vay của bà Đinh Thị Cúc H, còn bà Vi Thị T2 đã trả hết số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng nên bà Vi Thị T2 không có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Đinh Thị Cúc H. Bà Vi Thị T1 đề nghị bà Đinh Thị Cúc H trả lại sổ đỏ số T462837 cho bà Vi Thị T2.

*Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Vi Thị T2 trình bày:*

Khoảng tháng 8/2018, bà Vi Thị T2 nói chuyện với bà Vi Thị T1 là đang cần tiền để trang trải việc gia đình. Bà Vi Thị T1 bảo bà Vi Thị T2 đưa sổ đỏ để bà T1 hỏi vay hộ tiền. Bà Vi Thị T2 đồng ý và đưa cho bà Vi Thị T1 03 sổ đỏ. Bà Vi Thị T2 chỉ nhờ bà Vi Thị T1 vay hộ số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Vài ngày sau, bà Vi Thị T1 đưa cho bà Vi Thị T2 150.000.000 đồng và bảo vay của bà Đinh Thị Cúc H. Bà Vi Thị T2 hỏi về tiền lãi thì bà Vi Thị T1 bảo lãi 3%/tháng, tương ứng số tiền lãi 4.500.000 đồng/tháng. Sau đó, số tiền lãi hàng tháng, bà Vi Thị T2 đưa cho bà Vi Thị T1, để bà T1 trả cho bà Đinh Thị Cúc H. Được khoảng 5 - 6 tháng, do tiền lãi cao quá, bà Vi Thị T2 nói với bà Vi Thị T1 thì bà Vi Thị T1 bảo “chị chỉ cần đưa cho em 02 triệu thôi”. Bà Vi Thị T2 đồng ý, sau đó, hàng tháng bà T2 đưa cho bà T1 2.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi bà Vi Thị T2 đã trả cho bà Đinh Thị Cúc H (thông qua bà Vi Thị T1) là khoảng 40.000.000 đồng, những lần đưa tiền lãi cho bà Vi Thị T1 chỉ đưa trực tiếp, không lập giấy tờ gì, cũng không ghi vào sổ sách theo dõi.

Quá trình bà Vi Thị T1 vay tiền bà Đinh Thị Cúc H cụ thể như thế nào thì bà Vi Thị T2 không biết. Trước khi vay, bà Vi Thị T2 cũng bảo bà Vi Thị T1 là không được vay ké vào khoản vay của bà Vi Thị T2, chỉ nhờ bà Vi Thị T1 vay hộ 150.000.000 đồng, nhưng bà Vi Thị T1 lại tự ý vay thêm 300.000.000 đồng.

Khoảng tháng 11/2019, bà Vi Thị T2 cùng bà Vi Thị T1 đến nhà bà Đinh Thị Cúc H trả số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng và đề nghị bà H trả lại 03 sổ đỏ nhưng bà H chỉ trả lại cho bà Vi Thị T2 02 sổ đỏ. Khi trả, bà Đinh Thị Cúc H có nói còn nợ 300.000.000 đồng nữa thì bà Vi Thị T2 mới biết bà Vi Thị T1 tự ý vay thêm 300.000.000 đồng. Lý do bà Vi Thị T2 trả bà Đinh Thị Cúc H số tiền 140.000.000 đồng mà không phải là 150.000.000 đồng, vì trong số tiền 150.000.000 đồng bà Vi Thị T1 đưa cho bà Vi Thị T2 thì có 140.000.000 đồng là tiền vay của bà Đinh Thị Cúc H, 10.000.000 đồng còn lại bà Vi Thị T1 bù vào để đưa đủ cho bà Vi Thị T2 150.000.000 đồng.

Khoảng tháng 4/2020, bà Vi Thị T1 có nhờ bà Vi Thị T2 cho mượn sổ đỏ số T462837 để bà Vi Thị T1 sang nhà bạn vay 100.000.000 đồng, lấy tiền trả bà Đinh Thị Cúc H để lấy sổ đỏ số BK 518820 về nhưng bạn bà Vi Thị T1 không cho vay. Bà Vi Thị T2 không thấy bà Vi Thị T1 mang sổ đỏ về, có hỏi bà Vi Thị T1 thì bà T1 bảo bà H đã giật sổ đỏ, cất vào két sắt. Trong quá trình giải quyết, bà Đinh Thị Cúc H đã trả lại cho bà Vi Thị T2 sổ đỏ số BK 518820, hiện nay, bà Đinh Thị Cúc H vẫn còn giữ sổ đỏ số T462837.

Đối với giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 16/9/2019 và giấy ủy quyền đề

ngày 01/3/2020, bà Vi Thị T2 có được đọc và ký vào, không bị ai ép buộc gì.

Đối với yêu cầu của bà Đinh Thị Cúc H tại phiên tòa, bà Vi Thị T2 không đồng ý vì cho rằng đã trả hết số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng nên bà Vi Thị T2 không có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Đinh Thị Cúc H nữa.

Đối với số tiền gốc 310.000.000 đồng và số tiền lãi, một mình bà Vi Thị T1 phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Đinh Thị Cúc H vì đó là khoản vay của bà Vi Thị T1, chứ không phải của bà Vi Thị T2.

Bà Vi Thị T2 yêu cầu bà Đinh Thị Cúc H phải trả lại cho bà Vi Thị T2 sổ đỏ số T462837 mà bà H hiện đang cầm giữ.

*Trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Quang T, anh Trịnh Văn K trình bày:* Nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Cúc H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2022, ông Trịnh Quang T và anh Trịnh Văn K đề nghị Tòa án tuyên bà Vi Thị T1 và bà Vi Thị T2 phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn lại và số tiền lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) cho bà Đinh Thị Cúc H; không phải tuyên trả cho ông Trịnh Quang T và anh Trịnh Văn K.

*Trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vi Trọng Đ, chị Vi Diệu T trình bày:*

Anh Vi Trọng Đ, chị Vi Diệu T là con ruột của bà Vi Thị T2. Quá trình bà Vi Thị T2 vay tiền của bà Đinh Thị Cúc H như thế nào thì anh Vi Trọng Đ, chị Vi Diệu T không biết. Anh Vi Trọng Đ, chị Vi Diệu T không biết bà Vi Thị T2 vay tiền của bà Đinh Thị Cúc H khi nào, vay bao nhiêu tiền, mục đích vay tiền để làm gì. Anh Vi Trọng Đ, chị Vi Diệu T cũng không được sử dụng số tiền bà Vi Thị T2 đã vay của bà Đinh Thị Cúc H.

Anh Vi Trọng Đ, chị Vi Diệu T yêu cầu bà Đinh Thị Cúc H phải trả cho bà Vi Thị T2 02 GCNQSDĐ, trong đó: 01 GCNQSDĐ số BK 518820 do Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp ngày 27/9/2013 mang tên hộ bà Vi Thị T2; 01 GCNQSDĐ số T462837 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp ngày 16/7/2001 mang tên hộ ông Vi Văn H (tại trang 4 có thể hiện: Ngày 19/6/2018, để thừa kế cho bà Vi Thị T2, CMND số 080918709, địa chỉ tại thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo hồ sơ số 002060.TK.001”.

*Trong quá trình giải quyết, người làm chứng anh Hoàng Văn B trình bày:*

Khoảng tháng 9/2019, có một người phụ nữ đi cùng con gái đến nhà bà Đinh Thị Cúc H để trả lãi đối với số tiền vay của bà Đinh Thị Cúc H trước đó, số tiền lãi khoảng 9 – 10 triệu (sau này nghe bà Đinh Thị Cúc H kể lại, anh Hoàng Văn B mới biết người phụ nữ tên là Vi Thị T1 và khoảng 01 tháng trước đó, có vay của bà Đinh Thị Cúc H số tiền 450.000.000 đồng). Sau đó, bà Đinh Thị Cúc H đưa giấy thỏa thuận vay tiền cho bà Vi Thị T1 cầm về. Anh Hoàng Văn B có được ký vào giấy thỏa thuận vay tiền này với tư cách người làm chứng.

Khoảng tháng 4-5/2020, bà Vi Thị T1 lại cầm 01 sổ đỏ ra nhà bà Đinh Thị

Cúc H xin viết lại giấy nợ và xin hạ lãi suất. Anh Hoàng Văn B có được ký vào giấy thỏa thuận vay tiền này với tư cách người làm chứng.

Khoảng tháng 7/2020, bà Vi Thị T1 lại đến nhà bà Đinh Thị Cúc H để thỏa thuận lại về lãi suất. Nội dung thỏa thuận cụ thể như thế nào thì anh Hoàng Văn B không biết. Sau đó, bà Đinh Thị Cúc H có bảo anh Hoàng Văn B ký ở phía bên dưới phần bà Vi Thị T1 viết, với tư cách người làm chứng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không hòa giải được. Các đương sự đều không đề nghị Tòa án triệu tập chị Đỗ Thị Diễm Q với tư cách người làm chứng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà Vi Thị T1 vắng mặt không có lý do, là thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 288, khoản 1 Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Cúc H, buộc bà Vi Thị T1, bà Vi Thị T2 có trách nhiệm liên đới trả số tiền 310.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 16/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/9/2022) cho bà Đinh Thị Cúc H. Bà Đinh Thị Cúc H có trách nhiệm trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T462837 cho bà Vi Thị T2.

Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn không phải chịu án phí, các bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Vi Thị T1; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Quang T, anh Trịnh Văn K, anh Vi Trọng Đ, chị Vi Diệu T, người làm chứng anh Hoàng Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, những người vắng mặt nêu trên đã có lời khai tại Tòa án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Đinh Thị Cúc H khởi kiện yêu cầu bà Vi Thị T1, bà Vi Thị T2 phải trả cho bà Đinh Thị Cúc H số tiền nợ gốc còn lại và số tiền lãi theo giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 16/9/2019 và



giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 17/4/2020 nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Vi Thị T1, bà Vi Thị T2 đều cư trú tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về thời điểm vay tiền và số tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết, bà Đinh Thị Cúc H giao nộp cho Tòa án 02 giấy thỏa thuận vay tiền (trong đó 01 giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 16/9/2019 và 01 giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 17/4/2020), ngoài ra bà Đinh Thị Cúc H còn giao nộp 01 bản ghi chép quá trình cho vay và một số tài liệu thể hiện việc nhận tiền lãi của bà Vi Thị T1. Về thời điểm vay tiền, nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Quang T, anh Trịnh Văn K, người làm chứng anh Hoàng Văn B đều trình bày rằng thực tế ngày bà Vi Thị T1 đến nhà bà Đinh Thị Cúc H vay 450.000.000 đồng là ngày 16/8/2019, không phải ngày 16/9/2019 như trong giấy thỏa thuận vay tiền. Sở dĩ giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 16/9/2019 là vì ngày 26/9/2019, bà Vi Thị T1 đi cùng con gái là cháu Đỗ Thị Diễm Q đến nhà bà Đinh Thị Cúc H trả 9.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất 2% của số tiền 450.000.000 đồng, tính từ ngày 16/8/2019 đến ngày 16/9/2019). Do vậy, giấy thỏa thuận vay tiền mới đề ngày 16/9/2019 để làm căn cứ tính tiền lãi của các tháng tiếp theo.

[4] Bị đơn bà Vi Thị T1 thừa nhận có được vay của bà Đinh Thị Cúc H số tiền 450.000.000 đồng nhưng cho rằng ngày 16/9/2019 mới vay số tiền 450.000.000 đồng, chứ không phải vay từ ngày 16/8/2019 như những người có tên nêu trên trình bày. Trong khi đó, bà Vi Thị T2 lại cho rằng nhờ bà Vi Thị T1 vay hộ số tiền 150.000.000 đồng từ khoảng tháng 8/2018 chứ không phải tháng 8 hay tháng 9/2019.

[5] Xét thấy, giữa lời trình bày của bà Đinh Thị Cúc H, bà Vi Thị T1, bà Vi Thị T2, ông Trịnh Quang T, anh Trịnh Văn K, anh Hoàng Văn B có mâu thuẫn về thời điểm vay tiền, tuy nhiên, các bị đơn đều thừa nhận bà Đinh Thị Cúc H có cho bà Vi Thị T1 vay số tiền 450.000.000 đồng và bà T1 đã đưa cho bà H cầm giữ 03 sổ đỏ mang tên bà T2 để bảo đảm cho khoản vay; bà H, bà T1, bà T2 và anh B đều thừa nhận có được đọc và ký vào giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 16/9/2019 và giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 17/4/2020, việc ký vào giấy thỏa thuận vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tại phiên tòa, bà Vi Thị T2 trình bày rằng khi bà Vi Thị T2 ký vào giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 16/9/2019 thì trong giấy chưa điền số tiền vay là không có cơ sở vì bà Đinh Thị Cúc H đưa số tiền 450.000.000 đồng cho bà Vi Thị T1 trước rồi mới yêu cầu bà Vi Thị T1 mang giấy thỏa thuận vay tiền về cho bà Vi Thị T2 ký. Bà Vi Thị T1 cũng đã thừa nhận như vậy.

[6] Do vậy, Hội đồng xét xử xác định có tồn tại hợp đồng vay có kỳ hạn giữa bà Đinh Thị Cúc H với bà Vi Thị T1, bà Vi Thị T2 và đây là khoản vay chung. Bà Vi Thị T2 là người có trình độ hiểu biết, làm nghề giáo viên (đã nghỉ

hưu), vì quá tin tưởng em gái nên đã nhờ bà Vi Thị T1 hỏi vay tiền hộ cho bà Vi Thị T2. Ngày 26/9/2019, bà Vi Thị T2 và bà Vi Thị T1 có được ký vào giấy thỏa thuận vay tiền. Khi trả số tiền 140.000.000 đồng, cả hai cùng trả và nguyên đơn đã trừ gốc cho tổng khoản vay.

[7] Về giá trị pháp lý của giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 17/4/2020 và giấy ủy quyền đề ngày 01/3/2020:

[8] Trong quá trình giải quyết, bà Đinh Thị Cúc H có giao nộp cho Tòa án giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 17/4/2020 và giấy ủy quyền đề ngày 01/3/2020. Giấy ủy quyền do bà Vi Thị T1 viết tay, có chữ ký của bà Vi Thị T2, nội dung giấy ủy quyền thể hiện bà Vi Thị T2 đồng ý giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Vi Thị T2 cho bà Vi Thị T1 sử dụng; bà T2 cũng biết mục đích bà T1 sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T2 là để đi vay tiền nhưng là đi vay tiền của bạn bà T1. Hội đồng xét xử xét thấy, giấy ủy quyền không có nội dung bà T2 ủy quyền để bà T1 mang giấy chứng nhận đi vay tiền của bà H, hình thức giấy ủy quyền cũng không bảo đảm theo quy định nên không có giá trị pháp lý.

[9] Đối với giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 17/4/2020, tuy có tên bà Vi Thị T2 nhưng không có chữ ký của bà T2, nên bà T2 không có trách nhiệm liên đới trả nợ đối với khoản tiền 320.000.000 đồng như trong giấy vay. Thực tế, bà Đinh Thị Cúc H chỉ yêu cầu trả số tiền 310.000.000 đồng theo giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 16/9/2019 nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với khoản vay trong giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 17/4/2020. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa đã làm rõ, trên thực tế, không có khoản vay ngày 17/4/2020 mà chỉ là việc bà Đinh Thị Cúc H và bà Vi Thị T1 lập lại giấy vay nợ (đề ngày 17/4/2020) đối với khoản vay ngày 16/9/2019, không có 02 khoản vay riêng biệt.

[10] Về số tiền nợ gốc đã trả: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H và bị đơn bà Vi Thị T2 đều thừa nhận bà Vi Thị T2 đã trả số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng cho bà Đinh Thị Cúc H vào ngày 01/11/2019 tại nhà bà Đinh Thị Cúc H. Đây là tình tiết các bên đều thừa nhận, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Về thời gian đã nhận tiền lãi, lãi suất và số tiền lãi đã nhận:

[12] Bà Đinh Thị Cúc H thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà Vi Thị T1 và bà Vi Thị T2 (thông qua bà T1) tính đến ngày 15/9/2020. Bà Vi Thị T1 cũng thừa nhận đã trả lãi cho bà Đinh Thị Cúc H tính đến ngày 15/9/2020. Đây là tình tiết các bên đều thừa nhận, không phải chứng minh. Do vậy, xác định các bên đã trả lãi đến ngày 15/9/2020.

[13] Về lãi suất và số tiền lãi đã nhận, bà Đinh Thị Cúc H trình bày tổng số tiền lãi bà Vi Thị T1 đã trả cho bà Đinh Thị Cúc H là 43.900.000 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng). Số tiền lãi bà T1 đã trả cho bà H với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 16/8/2019 đến ngày 15/9/2020 là 43.800.000 đồng, vẫn còn thừa 100.000 đồng nên bà Đinh Thị Cúc H đã trả lại cho bà Vi Thị T1 100.000 đồng. Tại bản ghi chép quá trình cho vay có 02 chữ ký của bà

Vi Thị T1, được bà Vi Thị T1 thừa nhận chính là chữ ký của bà T1.

[14] Bà Vi Thị T1 trình bày đã trả cho bà Đinh Thị Cúc H tổng số tiền lãi khoảng gần 100.000.000 đồng tính từ ngày 16/9/2019 đến ngày 15/9/2020, với mức lãi suất 3%/tháng. Còn bà Vi Thị T2 trình bày tổng số tiền lãi bà Vi Thị T2 đã trả cho bà Đinh Thị Cúc H (thông qua bà Vi Thị T1) là khoảng 40.000.000 đồng.

[15] Hội đồng xét xử xét thấy, bà Vi Thị T1 và bà Vi Thị T2 trình bày về lãi suất và số tiền lãi đã trả cho bà Đinh Thị Cúc H, tuy nhiên, ngoài lời khai, bà Vi Thị T1 và bà Vi Thị T2 không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[16] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Vi Thị T1 và bà Vi Thị T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Đinh Thị Cúc H số tiền nợ gốc còn lại và số tiền lãi chậm trả, phía bị đơn cho rằng số tiền nợ gốc 310.000.000 đồng là tiền bà Vi Thị T1 vay của bà Đinh Thị Cúc H, còn bà Vi Thị T2 đã trả hết số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng nên bà Vi Thị T2 không có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Đinh Thị Cúc H số tiền nợ gốc còn lại và số tiền lãi chậm trả, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết, bà Vi Thị T1 thừa nhận:

[17] Khi hỏi vay số tiền 450.000.000 đồng, bà Vi Thị T1 có hỏi bà Đinh Thị Cúc H là “cho cháu và chị cháu vay tiền” (ý là bảo bà Đinh Thị Cúc H cho bà Vi Thị T1 và bà Vi Thị T2 vay tiền).

[18] Khi vay tiền, bà Vi Thị T1 có đưa cho bà Đinh Thị Cúc H cầm giữ 03 sổ đỏ mang tên bà Vi Thị T2 để bảo đảm cho khoản vay.

[19] Khi vay tiền, bà Vi Thị T1 cũng không nói với bà Đinh Thị Cúc H là trong số tiền 450.000.000 đồng, bà Vi Thị T1 vay bao nhiêu, bà Vi Thị T2 vay bao nhiêu.

[20] Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Vi Thị T2 cũng thừa nhận là có được đưa 03 sổ đỏ cho bà Vi Thị T1 để nhờ bà T1 vay tiền hộ; Giấy thỏa thuận vay tiền ngày 16/9/2019, bà T2 không trực tiếp đến vay nhưng có được ký vào giấy sau đó, không bị ai ép buộc gì và được nhận tiền từ bà T1; trước khi vay, bà Vi Thị T2 cũng không nói rõ với bà Đinh Thị Cúc H là chỉ vay số tiền 140.000.000 đồng. Đến khi trả tiền gốc 140.000.000 đồng thì hai bà cùng đến nhà bà H trả, cũng không nói rõ đó là tiền ai trả; giữa bà Vi Thị T2 và bà Vi Thị T1 cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh có thỏa thuận cụ thể về số tiền bà Vi Thị T2 và bà Vi Thị T1 có nhu cầu vay. Tại phiên tòa, bà Vi Thị T2 trình bày rằng khi bà Vi Thị T2 ký vào giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 16/9/2019 thì trong giấy chưa điền số tiền vay là không có cơ sở như đã phân tích ở trên. Bà Vi Thị T1, bà Vi Thị T2 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, buộc phải biết hậu quả phát sinh từ việc ký giấy thỏa thuận vay số tiền 450.000.000 đồng và phải cùng có trách nhiệm đối với khoản vay trên.

[21] Từ những phân tích, nhận định trên xét thấy, yêu cầu của bà Đinh Thị

Cúc H về việc buộc bà Vi Thị T1 và bà Vi Thị T2 cùng phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền nợ gốc còn lại và số tiền lãi chậm trả cho bà Hoa là có cơ sở chấp nhận.

[22] Trong giấy thỏa thuận vay tiền có ghi bên cho vay bao gồm cả ông Trịnh Quang T, anh Trịnh Văn K và đóng dấu của cửa hàng Thọ H, tuy nhiên căn cứ lời khai của bà Đinh Thị Cúc H, ông Trịnh Quang T, anh Trịnh Văn K đã xác định rõ số tiền vay không phải là của cửa hàng Thọ H (hộ kinh doanh Thọ H), mà là của các thành viên trong gia đình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2022, ông Trịnh Quang T và anh Trịnh Văn K đều đề nghị Tòa án tuyên bà Vi Thị T1 và bà Vi Thị T2 phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn lại và số tiền lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) cho bà Đinh Thị Cúc H; không phải tuyên trả cho ông Trịnh Quang T và anh Trịnh Văn K là phù hợp với quy định pháp luật.

[23] Về yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền gốc còn lại và số tiền lãi chưa trả. Tại phiên tòa, bà Đinh Thị Cúc H yêu cầu bà Vi Thị T2 và bà Vi Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H: Số tiền gốc 310.000.000 đồng; Số tiền lãi (tính từ ngày 16/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2022) là 24 tháng 04 ngày. Cụ thể:  $310.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 24 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 62.339.000 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền cả gốc và lãi là 372.339.000 đồng (trong đó, bà Vi Thị T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Đinh Thị Cúc H số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng cùng với số tiền lãi tính từ ngày 16/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2022 là  $85.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 24 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 17.093.000 \text{ đồng}$ ; bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Hoa số tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng cùng với số tiền lãi tính từ ngày 16/9/2020 đến ngày 20/9/2022 là  $225.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 24 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 45.246.000 \text{ đồng}$ ).

[24] Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất 10%/năm không vượt quá quy định về lãi suất nợ quá hạn quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 2, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 16/9/2019 và giấy thỏa thuận vay tiền đề ngày 17/4/2020 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[25] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Vi Thị T1 và bà Vi Thị T2 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đinh Thị Cúc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[26] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Đối với quan

điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ chứng minh phù hợp với đường lối, định hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nêu trên nên được chấp nhận.

[27] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H, buộc các bị đơn bà Vi Thị T2 và bà Vi Thị T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ cho bà Đinh Thị Cúc H tổng số tiền 372.339.000đ (ba trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn đồng), trong đó số tiền gốc 310.000.000 đồng và số tiền lãi (tính từ ngày 16/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2022) là 62.339.000 đồng; ghi nhận sự tự nguyện thừa nhận của bà Đinh Thị Cúc H về việc bà Vi Thị T2 đã thanh toán trước 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) được khấu trừ vào tiền gốc, số tiền nợ còn lại được phân định nghĩa vụ theo phần, cụ thể như sau:

**1.1.** Bị đơn bà Vi Thị T2 có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H tổng số tiền nợ 102.093.000đ (một trăm linh hai triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi 17.093.000đ (mười bảy triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng).

**1.2.** Bị đơn bà Vi Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H tổng số tiền nợ 270.246.000đ (hai trăm bảy mươi triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc 225.000.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi 45.246.000đ (bốn mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì bên có nghĩa vụ chậm

trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**2.** Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H về việc khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành sẽ thực hiện việc trả lại cho bị đơn bà Vi Thị T2 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T462837 (bản có dấu đỏ) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp ngày 16/7/2001 mang tên hộ ông Vi Văn H (tại trang 4 có thể hiện: Ngày 19/6/2018, để thừa kế cho bà Vi Thị T2, CMND số 080918709, địa chỉ tại thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo hồ sơ số 002060.TK.001).

### **3. Án phí:**

**3.1.** Bị đơn bà Vi Thị T1 phải chịu 13.512.000đ (mười ba triệu, năm trăm mười hai nghìn đồng, đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và bà Vi Thị T2 phải chịu 5.105.000đ (năm triệu, một trăm linh năm nghìn đồng, đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp Ngân sách Nhà nước.

**3.2.** Nguyên đơn bà Đinh Thị Cúc H được hoàn trả lại 10.577.000đ (mười triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0004306, ngày 28/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**4. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Cường**